

CÁC VỊ THẦN BIỂN ĐƯỢC THỜ/TÔN SÙNG TẠI CÁC ĐÌNH LÀNG, LĂNG, MIẾU Ở HỘI AN

Trần Văn An

Biển đảo không chỉ tác động sâu sắc đến đời sống vật chất mà còn chi phối mạnh mẽ và để lại dấu ấn đậm nét trong đời sống tinh thần của người dân vùng biển địa phương nói riêng, toàn cộng đồng dân cư Hội An nói chung. Sự chi phối, dấu ấn biển đảo này thể hiện rất rõ trong sinh hoạt tín ngưỡng và trong tâm thức sùng bái, kiêng kỵ các hiện tượng siêu nhiên liên quan đến biển đảo. Một trong những biểu hiện đó là sự tôn sùng nhiều vị thần biển. Danh sách các vị thần biển này của địa phương khá dài. Trong một bản văn tế Ông Ngự tại làng Câu chúng tôi ghi lại được tên 21 vị thần biển trên 40 danh tính các vị thần liệt kê trong bản văn như sau:

- Sắc chỉ Hàm hoàng, Quang đại, Chí đức, Phổ bác, Hiển hóa, Trang huy gia tặng Dực bảo trung hưng Đại Càn quốc gia Nam Hải tứ vị thánh nương thượng đẳng thần.

- Sắc chỉ Dương oai, Ngự dụ (Mẫn), Bảo Chương, Kiên thuận, Hòa nhu, Hàm quang Dực bảo trung hưng Thái giám Bạch mã thượng đẳng thần.

- Sắc chỉ Nam Hải cự tộc Ngọc lân Từ tế, Chương linh, Trợ tín, Trừng Trạm, Ưông Nhuận dực bảo trung hưng trung đẳng thần.

- Sắc Ngũ phương ngũ đế ngũ vị Long vương gia tặng Anh linh, Hích trạc

Sùng hường Hòa mục Nhân triêm Ân hiệp Hoàng khai, Quảng tế Hường an Tuần trạch trung đẳng thần.

- Sắc Hà bá thủy quan gia tặng Hoàng ân, Quảng tế, Hoàng bác, Linh tịnh trung đẳng thần.

- Sắc Tứ dương thành quốc công gia tặng Chiêu anh, Cảm ứng trung đẳng thần.

- Sắc Bích sơn thạch tượng gia tặng Mặc vận, Anh oai trung đẳng thần.

- Sắc Đông Nam sát hải Lang Lại nhị đại tướng quân gia tặng Đông mẫn chi thần.

- Khổng lồ Giác hải tiên Ông.

- Thủy long thần nữ tiên nương.

- Tứ đầu nhà cầm đẳng thần.

- Lý ngư, Lý lực đẳng thần.

- Bà chúa nước chi đức tôn thần.

- Chánh chủ cảnh môn chi thần.

- Cự Lân, Cự Lực chi thần.

- Thủy tinh, Thủy tế chi thần.

- Ông Ngự, bà Ngự chi thần.

- Bà Dàng chúa nước nương nương.

- Tam đầu cửu vĩ Xích lân chi thần.

- Cửu phương bát hướng ba đào chi thần.

- Tiên hiền sáng tạo võng nghệ chi thần.

Trong danh sách này tuy chưa đầy đủ do chỉ là những vị thần được thờ cúng trong phạm vi một làng nhưng qua đó ta thấy phần lớn là nhiên thần liên quan đến các hiện tượng sóng gió, đến các cửa biển, gành rạn, đến một số loài động vật biển như cá voi, các loài cá lớn, rái biển và một số giống vật không xác định như Tứ đầu nhà cầm, Tam đầu cử vĩ Xích Lân chi thần v.v... Đứng đầu trong danh sách này là Đại Càn quốc gia Nam Hải tứ vị thánh nương.

Ngoài ra, nhiều đình làng ở Hội An còn thờ một số vị thần biển khác như Phi vận tướng quân; Long mẫu; Thủy tào Long vương; Chúa Động Đình quân; Vũ sư (*thần mưa*), Lôi công (*thần sấm*); Phong bá (*thần gió*); Điện mẫu (*thần chớp*). Các vị thần này đều có sắc phong của triều đình. Làng Minh Hương, một làng buôn hình thành bằng con đường nhập cư của Hoa kiều và các hội quán người Hoa còn thờ Thiên Hậu thánh mẫu, Quan Thánh đế quân là những vị thần bảo hộ đường biển và hình thức thờ tự này đã ảnh hưởng đến một số làng xã khác tại Hội An. Những người theo đạo Phật hành nghề buôn bán hoặc đi biển ở địa phương rất tín ngưỡng Quan thế âm bồ tát và thờ làm vị bồ tát cứu nạn trên biển.

1. Đại Càn quốc gia Nam Hải tứ vị thánh nương:

Tên dân gian là bà Đại Càn, danh hiệu được triều đình gia phong đầy đủ là: Hàm hoàng, Quang đại, Chí đức, Phổ bác, Hiển hóa, Trang huy, Dục bảo trung

hưng Đại Càn quốc gia Nam Hải tứ vị thánh nương thượng đẳng thần. Đây là vị thần (*đúng ra là 4 vị*) giữ vị trí đứng đầu trong danh sách các vị thần được thờ tự và là vị chủ thần được thờ trang trọng nhất tại nhiều đình làng tại Hội An cũng như nhiều địa phương. Điều này cho thấy sự ảnh hưởng mạnh mẽ của tín ngưỡng biển trong cộng đồng dân cư tại chỗ.

Bảng kê một số sắc phong Đại Càn tại một số làng xã ở Hội An

Làng xã	Tổng số sắc phong của làng	Số sắc Đại Càn	Niên đại
Điện Hội (Hội An)	22	8	Minh Mạng 7 (1826) đến Khải Định 9 (1924)
Cầm Phô	27	5	Tự Đức 5 (1852) đến Khải Định 9 (1924)
An Mỹ	18	8	Minh mạng 7 (1826) đến Khải Định 9 (1924)
Tân Hiệp	20	5	Tự Đức 5 (1852) Khải Định 9 (1924)
Sơn Phô	19	6	Tự Đức 5 (1852) Khải Định 9 (1924)
Đế Võng	17	2	Duy Tân 5 (1911), Khải Định 9 (1924)
Sơn Phong	23	8	Minh Mạng 7 (1826) đến Khải Định 9 (1924)
Thanh Hà	27	5	Tự Đức 5 (1852) đến Khải Định 9 (1924)
Miêu Hội	111	3	Minh Mạng 5 (1824) đến Thiệu

Đồng tỉnh			Trị 3 (1843)
Theo bản khai folklore các làng, xã 1943 do Viễn Đông Bắc Cổ học viện thực hiện			

Qua bảng kê ta thấy hầu hết các làng xã tại Hội An đều thờ Đại Càn và tôn Đại Càn làm vị chủ thần, thần lớn nhất của làng xã mình. Tên vị thần này luôn đứng đầu danh sách tế tự hàng năm của các làng xã này.

Bảng kê các lần sắc phong Đại Càn và các danh hiệu được phong

TT	Tên hiệu	Gia phong	Năm tháng
1	Đại Càn quốc gia Nam Hải tứ vị thánh nương	Hàm hoàng, Quang đại, Chí đức thượng đẳng thần	17/9 Minh Mạng 7 (1826)
2	Đại Càn quốc gia Nam Hải Hàm hoàng Quang đại, Chí đức tứ vị thượng đẳng thần	Phổ bác	12/4/ Thiệu trị 3 (1843)
3	Đại Càn quốc gia Nam Hải Hàm hoàng, Quang đại, Chí đức, Phổ bác tứ vị thượng đẳng thần	Hiển hóa	14/5 Thiệu trị 3 (1849)
4	Đại Càn quốc gia Nam Hải Hàm hoàng Quang đại, Chí đức, phổ	Trang Huy	25/9 Tự Đức 3 (1849)

	bác, Hiển hóa tứ vị thượng đẳng thần		
5	Đại Càn quốc gia Nam Hải Hàm hoàng Quang đại, Chí Đức, Phổ bác, Hiển hóa, Trang huy tứ vị thượng đẳng thần	Đăng trật y cựu phụng sự	24/11 Tự Đức 33 (1879)
6	Đại Càn quốc gia Nam Hải Hàm hoàng Quang đại, Chí đức, Phổ bác, Hiển hóa, Trang huy tứ vị thượng đẳng thần	Dực bảo Trung hung	1/7 Đồng Khánh 2 (1886)
7	Đại Càn quốc gia Nam Hải Hàm hoàng Quang đại, Chí đức, Phổ bác, Hiển hóa, Trang huy Dực bảo trung hưng tứ vị thượng đẳng thần	Đăng trật	11/8 Duy Tân 3 (1909)
8	nt	Đăng trật	25/7 Khải Định 9 (1924)



Như vậy chúng ta thấy rằng các sắc phong Đại Càn còn lại lúc bấy giờ (1943) là các sắc phong của triều Nguyễn và niên đại sớm nhất là vào năm Minh Mạng 5 (1824) hoặc Minh Mạng 7 (1826). Tình trạng này có lẽ do chính sách thu đổi các sắc phong thần của triều Nguyễn sau khi Gia Long phục quốc nhằm chính thống hóa quyền lực của mình kể cả về thần quyền. Thời Tự Đức, Đại Càn tứ vị được phong sắc 2 lần, 1 lần gia phong mỹ hiệu và 1 lần đăng trật, hai lần cách nhau 30 năm. Thời Thiệu Trị trước đó, chỉ trong vòng hơn một tháng từ 12 tháng tư đến 14 tháng năm đã có 2 lần Đại Càn được gia phong mỹ tự. Qua các lần sắc phong ta cũng thấy được về thứ bậc, Đại Càn tứ vị là vị thần được phong cấp thượng đẳng ngay từ lần phong đầu tiên, chứng tỏ sự quan trọng của tín ngưỡng thờ Đại Càn Nam Hải tứ vị - những vị thần biển, trong đời sống tinh thần của cư dân.

Về lại lịch của những vị thần này đến nay rất ít người nắm rõ. Một số người cho biết Đại Càn có gốc ở cửa Cồn vùng Diễn Châu, Nghệ An. Một số bản khai của các làng cũng kể rằng “bà

này gốc ở bên Tàu không biết phạm tội gì mà bị vua cha thả trôi trên biển cùng với 2 người con gái. Về sau lại có một ông hòa thượng chết theo với ba người này. Sau xác 4 người này giạt vào cửa biển Nhật Lệ, Quảng Bình. Đến đời Gia Long phục quốc hiện

lên giúp vua có công nên được phong thần...”. Câu chuyện này có những nét giống với ghi chép của Dương Văn An trong Ô Châu cận lục khi viết về đền Tứ vị thánh nương ở Diễn Châu. Trong đó Dương Văn An ghi lại hai thuyết về tục thờ Đại Càn. Một thuyết cho rằng Đại Càn gồm 4 mẹ con, đều là gái người Nam Tống bị nạn chết trên biển xác trôi vào cửa Cồn (Càn). Một thuyết khác ghi Đại Càn là 2 mẹ con thuộc dòng dõi Hùng Vương, do bị kẻ thù ám hại nên bị đẩy ra biển đến cửa Cồn thì chết. Cho dù nguồn gốc thế nào thì Đại Càn quốc gia Nam Hải cũng là những vị thần biển - hải thần được người dân ở nhiều địa phương có biển kính ngưỡng, thờ phụng: “Những khách buôn bán xa gần qua cửa Cồn gặp sóng gió, ghé thuyền khẩn vái cầu đảo đều được bình an. Đến nay các cửa biển đều có lập đền thờ, Đây là những vị thần phù trợ rất linh thiêng ở vùng biển Nam...”¹. Ghi chép của Dương Văn An có hai điểm cần lưu ý, đó là việc cho rằng Đại Càn tứ vị là những vị thần

¹ Dương Văn An, Ô Châu cận lục, Nxb Chính trị quốc gia Hà Nội, 2009, tr 97.

rất linh thiêng ở vùng biển Nam. Điều này góp phần lý giải vì sao cư dân nhiều địa phương lại thờ những vị thần này làm chủ thần - vị thần lớn nhất, đứng đầu trong các thần được thờ. Và việc những khách buôn gần xa ghé vào khấn vái cầu đảo chứ không phải chỉ là những người đi biển đánh cá, điều này cho thấy có thể đây là vị thần của dân đi buôn bằng đường biển. Ghi chép này phù hợp với thực tế khi tại Hội An các làng đi buôn, van ghe buôn đều thờ Đại Càn làm chủ thần, trên các ghe buôn, ghe bầu luôn có khảm thờ vị thần này để cầu mong hành thương được bình an, đắc lợi.

2. Thái Giám Bạch mã

Để thấy được mức độ phổ biến của việc thờ thần Bạch Mã, dựa vào Bản khai phon - clo (*folklore*) của các làng xã Việt Nam, phần Hội An, Quảng Nam, do Viện Đông Bắc cổ học viện thực hiện năm 1943². Chúng tôi tổng hợp số sắc phong thần của các làng/xã ở Hội An như sau:

T T	Tên làng/xã	Tổng số sắc phong	Số sắc phong Bạch Mã	Niên đại của các sắc phong Bạch Mã
01	Phường Cẩm Phô	27	6	Tự Đức 5 (1852) đến Khải Định 9 (1924)
02	Phường Sơn Phong	23	Không	
03	Phường	33	5	Tự Đức 5

	Minh Hương			(1852) đến Khải Định 9 (1924)
04	Xã An Mỹ	18	5	Tự Đức 5 (1852) đến Khải Định 9 (1924)
05	Xã Thanh Đông	21	4	Tự Đức 5 (1852) đến Duy Tân 3 (1909)
06	Xã Sơn Phô	19	5	Tự Đức 5 (1852) đến Khải Định 9 (1924)
07	Phường Điền Hội (Hội An)	22	8	Minh Mạng 7 (1826) đến Khải Định 9 (1924)
08	Xã Thanh Hà	27	8	Minh Mạng 7 (1826) đến Khải Định 9 (1924)
09	Xã Đế Vông	17	7	Minh Mạng 7 (1826) đến Khải Định 9 (1924)
10	Xã Thanh Nam	20	Không	
11	Làng Tân Hiệp	18	Không	
12	Miếu Hội Đồng Tĩnh ở Cẩm Phô	111	3	Minh Mạng 5 (1824) đến Thiệu Trị 3 (1843)

² Bản sao tài liệu này hiện lưu trữ tại Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An

Như vậy, chúng ta thấy rằng có đến 8/11 làng/xã ở Hội An ghi trong bản khai có sắc phong thần Bạch Mã trong số các sắc phong thần của làng, chiếm tỷ lệ 73%. Tuy nhiên chúng ta cũng cần lưu ý rằng các làng không có sắc Bạch Mã không có nghĩa là cư dân của làng đó không có hình thức tín ngưỡng này. Nhìn rộng ra trong bối cảnh cả tỉnh Quảng Nam, ta thấy nhiều địa phương từ miền núi cho đến trung du, châu thổ cửa sông ven biển cũng có tục thờ thần Bạch Mã³. Ngay tại miếu Hội Đồng tỉnh (nay đã mất) cũng thờ thần Bạch Mã với sắc phong có niên đại khá sớm (1824). Thần Bạch Mã thường được thờ chung với Đại Càn tứ vị thánh nương, Thiên - y - a - na Chúa Ngọc và một số vị thần khác tại các đình làng. Tuy nhiên do tính chất đặc biệt về tín ngưỡng nên một số địa phương đã dựng nên những ngôi miếu để thờ riêng vị thần này và gọi bằng một cái tên dân gian là miếu ông Thái giám. Hiện nay ở Thanh Hà có ba miếu Thái Giám Bạch Mã, một ở Nam Diêu, một ở Thanh Chiêm và tại Bàu Súng hiện vẫn còn một miếu Thái Giám. Tại Cẩm Phô trước đây cũng có hai miếu Thái Giám cúng mỗi năm hai kỳ vào 13/01 và 11/8 (âm lịch)⁴. Hiện nay hai miếu này không còn. Ở Cẩm Kim hiện cũng còn một miếu Thái Giám nhỏ. Ngoài ra ở các địa phương khác chắc rằng cũng có một số miếu Thái Giám nhưng đến nay không còn dấu vết do vật đổi sao dời và không được ghi chép trong tư liệu thư tịch.

^{3, 4} Theo bản khai Phôn - clo đã dẫn

Nhìn vào bảng kê các sắc phong thần Bạch Mã ở Hội An ta thấy nổi lên một số vấn đề cần quan tâm. Về niên đại, các sắc phong này có niên đại sớm nhất được biết cho đến nay là vào năm Minh Mạng 5 (1824) hoặc Minh Mạng 7 (1826). Đây cũng là niên đại sớm nhất của các sắc phong thần khác hiện tồn ở Hội An. Không tìm thấy ở Hội An các sắc phong thần Bạch Mã nói riêng, các vị thần khác nói chung có niên đại thời Lê, thời các chúa Nguyễn hoặc thời Tây Sơn. Tình trạng này có lẽ là hệ quả của sự bất ổn về chính trị qua sự thay đổi của các triều đại phong kiến ở Đàng Trong thời phân tranh, trong đó có thể có cả việc thu hồi, thu huỷ các sắc phong thần của triều sau đối với triều trước nhằm chính thống hoá vương quyền và thần quyền, nhất là vào triều Nguyễn sau khi Gia Long phục quốc.

Cũng qua bảng kê chúng tôi thấy có sự không thống nhất trong các sắc phong thần Bạch Mã ở các làng/xã về niên đại bắt đầu và danh hiệu gia phong. Căn cứ vào danh hiệu và thời điểm gia phong dường như có một sự phân vân không thống nhất trong cách nhìn nhận vị thần này của triều Nguyễn vào những thời điểm nhất định. Sự phân vân này thể hiện ở sự khác nhau của hai nhóm sắc phong Bạch Mã. Một nhóm có thời điểm bắt đầu vào năm Minh Mạng 7 (1826) của các làng/xã Hội An, Thanh Hà, Đẽ Vông. Thời điểm gia phong thần Bạch Mã của các làng này trùng nhau cả về ngày, tháng, năm. Nhóm còn lại có thời điểm bắt đầu vào năm Tự Đức 5 (1852) và thời điểm gia phong cũng trùng nhau

ở các làng/xã Minh Hương, Cẩm Phô, An Mỹ, Thanh Đông, Sơn Phô.

Đây là danh hiệu, mỹ tự, thời điểm gia phong của sắc phong thần Bạch Mã các làng/xã Hội An, Thanh Hà, Đê Vông:

TT	Danh hiệu	Mỹ tự gia phong	Thời gian phong
01	Thái giám Bạch Mã chi thần	Lợi Vật	17/9/1826
02	Lợi Vật, Bạch Mã chi thần	Kiên Thuận	12/4/1843
03	Lợi Vật, Kiên Thuận, Bạch Mã chi thần	Hòa Nhu	14/5/1843
04	Lợi Vật, Kiên Thuận, Hoà Nhu, Bạch Mã chi thần	Đoan Túc	25/9/1850
05	Lợi Vật, Kiên Thuận, Hoà Nhu, Đoan Túc, Bạch Mã chi thần	Đăng trật, không phong mỹ tự	24/11/1880
06	Lợi Vật, Kiên Thuận, Hoà Nhu, Đoan Túc, Bạch Mã chi thần	Dực Bảo Trung Hưng	01/7/1887
07	Lợi Vật, Kiên Thuận, Hoà Nhu, Đoan Túc, Dực Bảo Trung Hưng, Bạch Mã chi thần	Đăng trật, không phong mỹ tự	11/8/1909
08	Lợi Vật, Kiên Thuận, Hoà Nhu, Đoan Túc, Dực Bảo	Hàm Quang, thượng đẳng thần	25/7/1924

Trung Hưng, Thái giám Bạch Mã tôn thần			
--	--	--	--

(Xã Đê Vông không có đạo sắc năm 1887, nên chỉ có 7 đạo Bạch Mã, các xã Hội An, Thanh Hà mỗi xã 8 đạo Bạch Mã như bảng kê)

Như vậy nhóm thứ nhất chúng ta thấy rằng danh hiệu đầy đủ của vị thần này là Lợi Vật, Kiên Thuận, Hoà Nhu, Đoan Túc, Hàm Quang, Dực Bảo Trung Hưng Thái Giám Bạch Mã, Thượng đẳng thần. Tuy nhiên, phẩm trật Thượng đẳng thần mãi đến đời Khải Định 9 (1924) mới được phong. Trước đó thì thần Bạch Mã không có phẩm trật cao và chúng ta cũng thấy rằng chỉ vào thời Minh Mạng và Khải Định thì danh hiệu Thái Giám mới được sử dụng kèm với Bạch Mã.

Ở nhóm thứ hai, gồm sắc phong của các làng/xã An Mỹ, Cẩm Phô, Thanh Đông, Sơn Phô, Minh Hương, tình trạng như sau:

TT	Danh hiệu	Mỹ tự gia phong	Thời gian phong
01	Dương Uy, Ngự Vũ, Bảo Chưởng, Kiên Thuận, Hoà Nhu Bạch Mã thượng đẳng thần	Hàm Quang	2/11/1852
02	Dương Uy, Ngự Vũ, Bảo Chưởng, Kiên Thuận, Hoà Nhu, Hàm Quang, Bạch Mã thượng đẳng thần	Đăng trật, không phong mỹ tự	24/11/1880

03	Dương Uy, Ngự Vũ, Bảo Chường, Kiên Thuận, Hòa Nhu, Hàm Quang, Bạch Mã thượng đăng thần	Dực Bảo Trung Hung	01/7/1909
04	Dương Uy, Ngự Vũ, Bảo Chường, Kiên Thuận, Hòa Nhu, Hàm Quang, Dực Bảo Trung Hung, Bạch Mã thượng đăng thần	Đăng trật, không phong mỹ tự	11/8/1909
05	Thái giám Bạch Mã tôn thần	Hàm Quang Dực Bảo Trung Hung thượng đăng thần	18/3/1917
06	Dương Uy, Ngự Vũ, Bảo Chường, Kiên Thuận, Hòa Nhu, Hàm Quang, Dực Bảo Trung Hung Thái giám Bạch Mã thượng đăng thần	Không phong mỹ tự, y cựu phụng sự	25/7/1924

(Mỗi làng/xã có 5 đạo sắc Bạch Mã, riêng Cẩm Phô có thêm 1 đạo năm 1917 nên thành 6 đạo, xã Thanh Đông không có đạo năm 1924 nên chỉ có 4 đạo)

Ở nhóm thứ hai ta thấy rằng, vào thời Tự Đức (1852), Bạch Mã đã được phong Thượng đẳng thần và có các mỹ tự là Dương Uy, Ngự Vũ, Bảo Chường,

Kiên Thuận, Hòa Nhu, Hàm Quang. Các đời sau chỉ gia phong thêm mỹ tự Dực Bảo Trung Hưng để có tên đầy đủ Dương Uy, Ngự Vũ, Bảo Chường, Kiên Thuận, Hòa Nhu, Hàm Quang Dực Bảo Trung Hưng Thái giám Bạch Mã thượng đẳng thần. Và ở đây, cũng vào thời Khải Định thì danh hiệu Thái giám mới được sử dụng kèm với Bạch Mã chứ trước đó thì không có.

So sánh hai nhóm ta thấy danh hiệu của vị thần này có sự khác nhau ở một số mỹ tự. Ở nhóm một có mỹ tự Lợi Vật, Đoan Túc, ở nhóm hai có mỹ tự Dương Uy, Ngự Vũ, Bảo Chường. Còn lại, các mỹ tự khác thì giống nhau (*Kiên Thuận, Hòa Nhu, Hàm Quang, Dực Bảo Trung Hưng*). Sự khác nhau này cho thấy dường như có một sự không minh định rõ ràng về lai lịch vị thần này ở những người có trách nhiệm trong việc phong tặng. Lý do của tình trạng này chúng ta sẽ tìm hiểu ở các phần sau.

Triều đình trung ương thì như vậy còn dân gian ở các địa phương tình hình cũng không khá hơn. Tất cả Hội đồng hương chính các làng/xã kể ở trên đều không nắm rõ lai lịch vị thần Bạch Mã và trả lời rằng việc thờ tự là do triều đình có sắc phong thì phải thờ (?) chứ không biết lý do. Thực tế này dẫn đến một cách hiểu mang tính thông tục khi cho rằng Bạch Mã là con vật đỡ chân của Thành Hoàng. Vì vậy tại các địa điểm thờ Thành Hoàng hoặc Thổ Địa thường có vật cúng là tượng ngựa trắng hoặc ngựa đỏ. Thật ra đây là một cách hiểu sai lệch. Khảo qua các sắc phong, thần Bạch Mã luôn có phẩm trật cao hơn Thành Hoàng. Khi Bạch Mã đã chính danh Thượng

đăng thần thì Thành Hoàng mới được gia phong là Trung đăng thần. Thành Hoàng luôn là vị thần đứng đằng sau Bạch Mã trong ngôi thứ, phẩm trật phong thần thể hiện qua các sắc phong ở Hội An và có lẽ cũng giống như thế ở nhiều địa phương khác.

Vậy thì, Bạch Mã là vị thần như thế nào mà lại được sùng tín, thờ tự một cách rộng rãi ở nhiều địa phương tại Hội An, Đàng Trong và nguyên gốc của vị thần này xuất phát từ đâu?

Để tìm hiểu vấn đề mấu chốt này có lẽ chúng ta phải bắt đầu với hình tượng - biểu tượng ngựa trắng trong văn hóa phương Đông. Trong văn hóa Ấn Độ và Trung Hoa, ngựa trắng là biểu tượng của việc truyền bá đạo Phật và hộ trì Phật pháp, bảo vệ các chùa tháp Phật giáo. Người Trung Hoa có câu: “*Trâu xanh qua Tây phương, Ngựa trắng sang Đông Thổ*” để chỉ việc phổ biến Đạo giáo sang Ấn Độ và truyền bá Phật giáo qua Trung Hoa. Hình tượng những con ngựa trắng lưng thò những hòm kinh sách là biểu tượng của việc phổ biến kinh sách Phật giáo từ Ấn Độ sang Trung Hoa.

Ở nước ta, ngôi đền Bạch Mã trấn phía Đông kinh thành Thăng Long xưa cũng gắn với truyền thuyết về việc vua Lý Thái Tổ theo dấu chân ngựa trắng mà xây nên kinh thành và từ đó ngôi đền thờ Thành Hoàng Thăng Long mang tên là đền Bạch Mã⁵.

Một truyền thuyết - Phật thoại về ngựa trắng của Phật giáo Ấn Độ cần

được quan tâm và có lẽ đây là truyền thuyết có quan hệ đến tục thờ Bạch Mã ở Hội An nói riêng, Đàng Trong nói chung. Trong Đại Thừa Trang Nghiêm Bảo Vương Kinh, một bộ kinh chữ Phạn của Ấn Độ về cuộc đời của bồ tát Avalokitesvara (*Quan Thế Âm bồ tát*) có một đoạn kể về một tiền kiếp của bồ tát Quan Thế Âm lúc đó là một con ngựa thần màu trắng có cánh tên là Balaha đã giải cứu hoàng tử Sinhgala, tiền thân Phật Thích Ca, khi ngài cùng các khách thương bị nạn trên biển⁶.

Một Phật thoại Ấn Độ được dịch sang tiếng Việt có tên: “*Một cuộc chiến thắng vinh dự*” kể về tiền kiếp của Phật Thích Ca, khi đó là Sinhgala con một lái buôn giàu có. Sinhgala đã dẫn 500 lái buôn ra khơi và gặp nạn trên biển. Nhờ một con ngựa thần màu trắng bay được tên là Balaha mà Sinhgala đã thoát khỏi nanh vuốt của bọn quỷ Dạ xoa và trở về đất liền⁷.

Như vậy một số kinh điển Phật giáo cổ Ấn Độ đã ghi lại lai lịch con ngựa trắng Bahala vốn là hóa thân của bồ tát Quan Thế Âm gắn với công đức, công tích cứu nạn trên biển, đặc biệt là cứu các thương nhân, thủy thủ gặp nạn khi đi lại buôn bán bằng đường biển. Có lẽ do công tích này mà thần Bạch Mã - một dạng Việt hóa của ngựa thần Balaha đã được thờ tự phổ biến ở Hội An cũng như ở những địa phương có hoạt động đi lại buôn bán, hành nghề trên biển bằng ghe thuyền. Tại chùa Quan Âm (*Quan Âm*

⁵ Quốc Sử quán triều Nguyễn (1997), Đại Nam Nhất thống chí, tập 3, Nxbán Thuận Hóa, tr 210 -211

⁶ Chung - Fang - Yu, Bồ Tát Quan Thế Âm?, theo Leongda.20fr.com

⁷ Thích Minh Chiếu, tuyển tập Truyện cổ Phật giáo, tập II-3, Internet

phật tự, Minh Hương phật tự) ở Hội An, trong một bàn thờ may mắn còn sót lại một đồ án trang trí hình con ngựa có cánh đang sải bước/bay trên những đám mây hình cánh sen rất sinh động. Chúng tôi cho rằng đây chính là đồ án thể hiện ngựa thần Balaha hoá thân của bồ tát Quan Thế Âm. Một đồ án trang trí khiêm tốn nhưng là dấu vết quan trọng chứa đựng thông tin về nguồn gốc của tín ngưỡng thờ thần Bạch Mã còn sót lại ở Hội An rất đáng lưu ý.

Tuy nhiên ở đây dường như cư dân Việt không tiếp thu trực tiếp hình thức thờ Bạch Mã từ Ấn Độ mà thông qua một khâu trung gian là người Chăm. Người Chăm vốn là những nhà hàng hải giỏi và họ tiếp xúc với văn hóa, văn minh Ấn Độ khá sớm. Có thể người Chăm ở duyên hải miền Trung với truyền thống giao thương buôn bán bằng đường biển của mình đã tiếp thu hình thức thờ ngựa thần Balaha từ Ấn Độ để phổ biến rộng rãi tại địa phương - tương tự các vua Campuchia thời trung đại đã dựng tượng ngựa thần Balaha - hóa thân của bồ tát Quan thế Âm tại ngôi đền Neak - Pean thuộc Angkawat⁸.

Và đến lượt mình, các cư dân Việt, đặc biệt là những người làm nghề buôn bán trên biển đã tiếp thu hình thức thờ tự này từ người Chăm. Điều này lý giải tại sao việc thờ thần Bạch Mã phổ biến rộng rãi ở các địa phương ven biển miền

Trung và Nam Bộ, nơi trước đây có cư dân Chăm sinh sống⁹.

Quay trở lại việc khắc nhau của các mỹ tự trong hai nhóm sắc phong Bạch Mã ở Hội An ta thấy rằng các sắc phong thời Minh Mạng đã dùng mỹ tự Lợi Vật để gia phong vị thần này. Lợi Vật (*mang lại lợi ích*) là một mỹ tự gắn với hoạt động buôn bán, tiền của. Đến đời Tự Đức lại ban phong các mỹ tự Dương Uy, Ngự Vũ, Bảo Chương (*thật ra, trong sắc phong dùng từ “nguyên tặng” có nghĩa là trước đó đã có các mỹ tự này*). Đây là những mỹ tự thể hiện tính chất bảo hộ, che chở, ngăn ngừa tai họa. Cả hai cách nhìn nhận này đều liên quan đến công tích của ngựa thần Balaha là cứu nạn, che chở những người buôn bán bằng đường biển và có lẽ do tiếp thu lại từ người Chăm nên dẫn đến nhiều cách hiểu khác nhau về vị thần Bạch Mã như chúng ta đã thấy.

Còn một việc cũng cần làm sáng tỏ là tại sao thần Bạch Mã lại được/bị gắn thêm tên gọi là Thái Giám, vốn là từ để chỉ các hoạn quan. Lại phải quay về với hành trạng của Quan Thế Âm bồ tát. Do để cứu độ chúng sanh nên bồ tát Quan Thế Âm phải ở lại thế gian và hóa thân thành nhiều hình tướng khác nhau, nam có, nữ có không phân biệt giới tính. Con ngựa Balaha cũng vậy, không có giới tính. Để chỉ đặc điểm này, một số sắc phong triều Nguyễn đã dùng từ Thái Giám để gán cho vị thần Bạch Mã đức cao vọng trọng (?). Cũng với quan niệm con ngựa trắng là không có giới tính nên

⁸ Phan Anh Tú, Hình tượng Lokesvara trong nghệ thuật điêu khắc cổ Đông Dương, T/c Xưa Nay, số 238, tháng 6/2005

⁹ Tạ Chi Đại Trường (2006), Thần, Người và Đất Việt, Nxb Văn hoá Thông tin, trang 247 -255

cư dân Hội An có tục dùng tượng ngựa trắng để thờ vong linh các thai nhi bị mất khi còn nằm trong bụng mẹ, không rõ nam, nữ. Thật ra giữa thần Bạch Mã và tượng ngựa trắng này hoàn toàn khác nhau, một bên là một vị thần thượng đẳng còn một bên chỉ là đồ thờ, vật đồ chân...

Trải qua quá trình phát triển lịch sử và giao lưu - tiếp biến văn hóa sâu rộng, lâu dài, kể cả sự thay đổi về các cộng đồng chủ thể văn hóa từ người Chăm đến người Việt, hình thức thờ thần Bạch Mã - một vị thần gắn với hoạt động buôn bán trên biển đã có nhiều biến đổi so với nguyên gốc. Tuy nhiên, hình thức thờ tự này đến nay vẫn có sức sống bền bỉ, góp phần minh chứng cho sự phát triển mạnh mẽ của hoạt động giao thương buôn bán bằng đường biển cũng như các hình thức tín ngưỡng liên quan đến biển từ nhiều nguồn gốc khác nhau tại Hội An nói riêng, xứ Quảng, Đàng Trong nói chung.

3. Ông Ngư

Ông Ngư, ông Ngạc, ông Nam Hải là tên gọi dân gian của một vị thần biển, tên đầy đủ được ghi trong sắc phong là Nam Hải cự tộc Ngọc Lân Từ tế, Chương linh, Trừng Trạm, Uông nhuận, Dực bảo trung hưng trung đẳng thần. Vị thần này liên quan đến tục thờ cá, cụ thể ở đây là cá Voi được linh thiêng hóa thành vị thần biển có công cứu giúp những người gặp nạn trên biển. Tục thờ này được ghi chép cụ thể trong sách Gia Định thành thông chí vào thế kỷ 19: “... *Tượng ngư, cá voi. Đầu tròn, nơi trán có lỗ phun nước ra, miệng mũi giống như con voi, tron láng, không vảy, đuôi có hai chi giống đuôi tôm, tánh từ thiện biết*

cứu người nên nhà ngư nghệ thường gọi là nhân ngư. Hay đuổi các thứ cá vào lưới, gặp thuyền đi biển bị chìm úp, cá này thường đưa người vào bờ. Dân miền biển kính lễ, thấy cá trôi dạt, dân chài thường góp tiền mua vãi, hòm liệm chôn. Người trưởng trong ngư hộ đứng làm tang chủ, cắt liệm phụng sự. Tự điển nhà vua phong làm Nam Hải tướng quân vì ở vùng Nam Hải thì được linh ứng còn ở biển khác thì không linh”¹⁰.

Tương tự các vị thần được nêu ở trên, sắc phong Nam Hải cự tộc Ngọc Lân còn lại có niên đại sớm nhất vào thời Minh Mạng 5 (1824) và Minh Mạng 7 (1826). Thời điểm gia phong mỹ hiệu cũng trùng với các vị thần khác.

TT	Tên hiệu	Gia phong	Niên đại
01	Nam Hải cự tộc Ngọc Lân tôn thần	Từ Tế	11/2 Minh Mạng 5 (1824) hoặc 17/9 Minh Mạng 7 (1826)
02	Nam Hải cự tộc Ngọc Lân Từ tế tôn thần	Chương linh	12/4 Thiệu Trị 3 (1843)
03	Nam Hải cự tộc Ngọc Lân Từ tế Chương linh tôn thần	Trợ tín	14/5/ Thiệu Trị 3 (1843)
04	Nam Hải cự tộc Ngọc Lân Từ tế, Chương linh, Trợ tín tôn	Trừng Trạm	25/9 Tự Đức 33 (1878)

¹⁰ Trịnh Hoài Đức, Gia Định thành thông chí, Tu Trai Nguyễn Tạo dịch, Sài Gòn xuất bản 1972, tập hạ, tr 58.

	thần		
05	Nam Hải cự tộc Ngọc Lân Từ tế, Chương linh, Trợ tín, Trùng Trăm tôn thần	Dực bảo trung hưng	8/6 Duy Tân 5 (1911)
06	Nam Hải cự tộc Ngọc Lân Từ tế, Chương linh, Trợ tín, Trùng Trăm Dực bảo trung hưng tôn thần	Uông nhuận trung đẳng thần	25/7 Khải Định 9 (1924)

Do tín ngưỡng này nên dân biển địa phương không gọi cá Voi là cá mà gọi là Ông “*tại Bắc vi ngư tại Nam vi thần*”, “*sinh vi ngư, tử vi thần*”. Dựa vào đặc điểm hình dáng dân biển phân biệt thành ông Chuông, ông Bành, ông Nhồng, ông Hô, ông Phươn, ông Mực, ông Kim... Tại lăng ông Ngư Cù Lao Chàm hiện còn 13 bài vị ghi:

1/ Nam Hải cự tộc Ngọc Lân chủ tướng tôn thần; tứ nguyệt sơ tứ nhật chánh kỵ (*Cúng chính vào ngày 4/4 Âm lịch*).

2/ Phụng thỉnh Nam Hải cự tộc Ngọc Lân ông Mực tôn thần.

3/ Nam Hải cự tộc Ngọc Lân quý nương tôn thần tọa vị, kỷ mùi niên bát nguyệt sơ bát nhật, bốn xã đồng tạo; Thập nhị nguyệt sơ bát nhật chánh kỵ.

4/ Nam Hải cự tộc Ngọc Lân đại tướng quân tôn thần.

5/ Phụng thỉnh Nam Hải cự tộc Ngọc Lân ông Chuông tôn thần chi linh, thất nguyệt nhị thập lục thất nhật chánh kỵ, bốn xã đồng tạo.

6/ Nam Hải cự tộc Ngọc Lân đại tướng quân tôn thần, Bính Thân niên tam nguyệt sơ thập nhật.

7/ Nam Hải cự tộc Ngọc Lân ông Bành tôn thần, thập nhị nguyệt nhị thập cửu nhật chánh kỵ.

8/ Nam Hải cự tộc Ngọc Lân đại tướng quân, Quý Tỵ nhị nguyệt nhị thập tam nhật.

9/ Nam Hải cự tộc Ngọc Lân đại tướng quân tôn thần.

10/ Nam Hải cự tộc Ngọc Lân đại tướng quân tôn thần.

11/ Nam Hải cự tộc Ngọc Lân đại tướng quân tôn thần.

12/ Sắc Nam Hải cự tộc Ngọc Lân từ tế chi thần.

13/ Cung thỉnh Nam Hải cự tộc Ngọc Lân ông Hô tôn thần.

Cũng do tín ngưỡng này nên người dân địa phương không bao giờ ăn thịt cá Ông. Họ cho rằng thịt cá Ông rất khác với thịt cá thông thường, khi chết ruồi không bu lại và ai gặp được cá Ông lụy (*dân gian không bao giờ dùng từ “Ông chết” mà gọi là “Ông lụy”*) là người được ông chọn để gửi gắm thân phàm vì thế sẽ gặp nhiều may mắn trong hành nghề, được ông phù hộ giúp đỡ trong làm ăn, sinh sống. Vì vậy những người này cũng bịt tang, thực hiện các nghi thức tống táng Ông như người trưởng nam đối với cha.

Tại các địa phương làm nghề biển đều lập lăng Ông để thờ ông Ngư, hiện còn các lăng Ông ở thôn 5 Cẩm Thanh, Cẩm Nam, Cẩm Kim, An Bàng, Ngọc

Thành. Một số khác đã bị sụp đổ do chiến tranh, thiên tai bão lụt. Vào các ngày kỵ Ông (*ngày phát hiện cá Ông chết dạt vào bờ*) hàng năm những người dân biển tổ chức cúng tế linh đình, trong lễ cúng có tổ chức hát bả trạo, hát bội hầu Ông. Vào dịp đầu mùa vụ đánh bắt hàng năm dân biển tổ chức lễ Cầu ngư tại lăng Ông, lăng Hội đồng để cầu mong một vụ mùa đánh bắt, hành thương đi lại trên biển được thuận lợi.

4. Lang Lại (Thất) nhị đại tướng quân: Tên dân gian gọi là ông Rái, tên trong sắc phong đầy đủ là Đông Nam sát hải Lang Lại nhị đại tướng quân Đông mẫn, Hoang nghị, Trùng Trạ, Uông nhuận, Dực bảo trung hưng chi thần. Về đẳng bậc thì đây là vị thần bậc thấp. Khung niên đại của các sắc phong hiện còn cũng nằm trong giai đoạn từ Minh Mạng 7 (1826) đến Khải Định 9 (1924). Một số người cao tuổi tại địa phương lý giải việc thờ tự này bằng câu chuyện liên quan đến vua Gia Long, trong lúc bôn tẩu trên biển đã nhờ 2 con rái cá dẫn đường để thoát khỏi sự truy sát của Tây Sơn vì vậy sau khi phục quốc đã phong cho 2 con rái cá này làm thần tuần biển. Thực ra đây là một cách lý giải dân gian khi gán cho các vị thần được phong công trạng giúp vua Gia Long thoát nạn. Trong các sắc phong thời Minh Mạng thường ghi “*phụng, ngã Thế tổ Cao hoàng đế thống nhất hải vũ khánh bĩ thần nhân tứ kim quang thiệu hồng đồ*” (*Đức Thế tổ Cao hoàng đế ta thống nhất bờ cõi mang phúc đến hết thủy thần nhân, cơ đồ to lớn luôn tươi sáng rực rỡ*). Có lẽ do câu này mà người đời sau suy diễn là do có công với Thế tổ Cao

hoàng đế (Gia Long) nên mới được phong. Thật ra đây là một cách chính thống hóa thần quyền bằng pháp quyền. Có thể một số hình thức thờ tự đã có từ lâu đời và nhà nước phong kiến triều Nguyễn đã chính thống hóa bằng sắc phong. Một điều đáng chú ý trong các sắc phong này là triều Nguyễn đã dùng từ “*hải vũ*” để chỉ bờ cõi, chứng tỏ những ông vua đầu triều Nguyễn rất xem nặng chủ quyền về mặt biển, xem biển là một phần quan trọng của lãnh thổ.

5. Ông Bích, ông Tứ: Tên đầy đủ ghi tại bài vị thờ hiện còn ở đình làng Tiền hiền ở Bãi Làng và miếu Tổ nghề Yến ở Bãi Hương Cù Lao Chàm là Phục ba đại tướng quân Tứ dương hầu quốc công; Phục ba đại tướng quân Bích sơn hầu quận công. Đây là 2 vị thần được sắc phong. Một bản sắc chép tay của làng Thanh Hà ghi danh phong của vị Tứ dương hầu là Tứ dương thành quốc Chiêu linh, Cảm Ứng, Hoàng mô, Khuông hựu, Quang ý trung đẳng thần. Năm sắc phong là Tự Đức 5 (1852). Đến năm Đồng Khánh 2 (1886) được gia phong mỹ tự Dực bảo trung hưng. Như vậy tên đầy đủ được ghi trong sắc phong là Tứ dương thành quốc Chiêu linh, Cảm ứng, Hoàng mô, Khuông hựu, Quang ý, Dực bảo trung hưng trung đẳng thần. Việc thờ ông Bích, ông Tứ liên quan đến truyền thuyết về Tam vị hoặc truyền thuyết Ông Cụt của làng Thanh Hà. Đây thực chất là những vị thần liên quan đến sóng gió, lốc tố, những hiện tượng thường xuyên xảy ra ở các vùng biển đảo. Trong đó, ông Bích, ông Tứ được dân gian nhìn nhận là những vị thần chế ngự sóng gió với danh hiệu là Phục ba

đại tướng quân. Đây là những vị nhiên thần mang tính truyền kỳ gắn với ước mơ sóng yên gió lặng. Riêng ông Cụt chúng tôi không thấy sắc phong và trong dân gian người ta rất kiêng sợ vì ông thường gây lốc tố trong những lần từ Cù Lao Chàm về thăm mẹ ở Thanh Hà gây đổ gãy cây cối, sụp nhà cửa và chìm đắm tàu thuyền. Có lẽ đây không phải là vị phúc thần nên không có sắc phong (?)

6. Phi vận tướng quân: Đây là vị nhân thần được thờ làm thần biển ở nhiều địa phương ven biển miền Trung. Tên đầy đủ theo sắc phong là *Hiển văn Tráng tiết Phương du, Khắc vọng Quang ý, Dực bảo trung hưng Kỷ Mùi khoa tiến sĩ Tùng giang Văn trung Phi vận tướng quân trung đẳng thần*. Thần tích của vị thần này được Dương Văn An ghi lại trong *Ô châu cận lục* như sau: “... *Thần họ Nguyễn tên Phục người xã Tùng Giang, huyện Gia Phúc đời vua Lê Nhân Tông niên hiệu Thái Hòa, khoa Quý Dậu (1453) ông đậu đệ tam giáp tiến sĩ, làm quan Chuyển vận sứ, Hành khiển sứ đạo Thanh Hoa. Thuở vua Lê Thánh Tông chưa làm vua thì ông dạy cho vua học, nên khi vua tức vị, ông được cất nhắc lên chức Hàn Lâm Tham chương Viện sự, 3 lần đi sứ triều Minh, về làm Đại lý tự khanh lại kiêm chức Tri Bình chính viện tham nghị rồi làm Thân quân ty Cẩm y vệ Chỉ huy sứ ty Thiêm sự.*”

Khi vua đi đánh Chiêm Thành, ông phụng mệnh làm Phi vận tướng quân Chuyên thuân đội Tán lý, khi đến cửa biển Tư Dung (nay là Tư Hiền) bị sóng to gió lớn trở ngại không đi được, chúng quân đều sợ tội xin đi, ông nói: *Thà để một mình ta cam chịu 3 thước guơm, chứ ta*

không nỡ đem kho gạo lúa hữu hạn và nhân mạng vô tội vất bỏ một cách khinh dễ vào trong chỗ sóng cuồng gió lớn chôn đầy bụng cá. Vì vậy mà phải đậu thuyền hoãn đợi nên việc chuyển lương bị trễ nải.

Vua nổi giận tống giam ông vào ngục, lại có bọn cung nhân, cận thân gièm pha nên vua mới sai xử tử ông. Sau đó vua hối hận, xuống chiếu tha tội thì ông không còn nữa. Ông tuy mất nhưng rất hiển linh, nhân dân các nơi trong xứ đều lập đền miếu thờ ông. Niên hiệu Cảnh Thống (1498-1504) đời Lê Hiến Tông truy tặng “*Văn Trung chính nghị*”, triều Mạc phong thêm 4 chữ “*Minh Đạo Hiển Ứng*”...”

Phi vận tướng quân được phối thờ ở nhiều đình làng tại Hội An như đình Tân Hiệp, Thanh Hà, Sơn Phong, Cẩm Phô, Thanh Đông... Trong đó một số làng có sắc phong. Đền thờ của ông cũng được dựng ở một số địa phương ven biển miền Trung, ở một số cửa biển như Tư Hiền, Đà Nẵng. Đây là vị nhân thần liên quan đến vận tải đường biển, là vị phúc thần của dân biển miền Trung.

7. Thiên Hậu thánh mẫu: Đây là vị nữ thần biển có gốc Nam Trung Hoa được người làng Minh Hương và Hoa Kiều ở Hội An cũng như ở nhiều địa phương khác trong cả nước thờ làm vị thần bảo hộ về đường biển. Tại Hội An, Thiên Hậu được thờ chính ở Dương Thương hội quán (Trung Hoa hội quán), Phúc Kiến hội quán, Minh Hương Tự Tiên đường, phối thờ ở Hải Nam hội quán, Triều Châu hội quán, Quảng Đông hội quán. Ngoài ra hình thức thờ Thiên Hậu cũng ảnh hưởng đến đời sống tín

ngưỡng của những người làm nghề biển tại địa phương với sự có mặt của vị thần này trong hệ thống thờ tự của người Việt tại một số làng xã như Cẩm An, Đế Vọng. Điều này cho thấy có sự giao lưu - tiếp biến về tín ngưỡng biển giữa cộng đồng người Việt và người Hoa ở Hội An. Trên các ghe buôn của Hoa kiều, người làng Minh Hương luôn có khám thờ Thiên hậu để cầu mong thuận buồm xuôi gió làm ăn hanh thông.

Tiểu sử của Thiên Hậu được khắc trên linh vị ở Hội quán Phước Kiến được dịch ra tiếng Việt như sau: “*Thiên Hậu người Bồ Điền, tỉnh Mân (Phúc Kiến). Ông tăng tổ là Bảo Kiết công, họ Lâm. Thời Châu, tổ 5 đời làm chức Thống lĩnh binh mã sứ. Về ở ẩn tại cảng Hiền Lương ở Hải Tân. Tổ ngài làm chức Tổng quản ở Chương Châu, tỉnh Phúc Kiến nói đến đời cha Duy Ý công và mẹ là Vương thị. Sinh ngài năm đầu Kiến Long nhà Tống ngày 23 tháng 3. Khi sinh có nhiều điều thần dị. Lên 13 tuổi gặp vị đạo sĩ cho ngài “Linh trung bí pháp”. Năm 16 tuổi dìm xuống giếng được đạo bà “Thông hiền linh nữ”. Thêm 13 năm sau (29 tuổi) tiết trùng cửu (9/9 âm lịch) lên núi My Châu và giữa ngày bay lên trời. Sau đó giúp nước cứu dân linh hiển rõ ràng có nhiều thánh tích. Đời Tống gia phong ngài là “Linh Huệ phu nhân”. Qua các đời Nguyên, Minh nhiều lần phong “Thiên Phi”. Đời Khang Hy sắc phong Thiên Hậu. Đời Ung Chánh chuẩn cho các tỉnh được ký tể xuân thu. Từ Càn Long đến Gia Khánh đều gia phong và truy phong cho cha là Tích Khánh công và mẹ là Tích Khánh phu nhân được thiết lập bia phía sau điện để ký tể”.*

8. Quan Âm bồ tát: Đây là một vị bồ tát của Phật giáo có chỗ đứng quan trọng trong đời sống tín ngưỡng của cư dân địa phương nói chung, những người hành nghề trên biển nói riêng. Do gắn với công tích cứu nạn trên biển nên Quan Âm bồ tát được dân biển đặc biệt là dân buôn đường biển kính ngưỡng và thờ làm vị bồ tát bảo hộ tại nạn trên biển. Tại Hội An trước đây có Quan Âm đường là một địa điểm thờ tự lớn của dân buôn đường biển và những người đi biển. Trong các chùa tại Hội An đều có điện thờ Quan Âm, điều này cho thấy ảnh hưởng sâu rộng của tín ngưỡng Quan Âm Nam Hải cứu khổ cứu nạn trên biển. Người dân địa phương lưu truyền tín niệm cho rằng một số vị thần như Đại Càn, Thiên Hậu, Ông Ngự cũng chính là hóa thân của Quan Âm bồ tát. Trên các thuyền buôn người ta thường lập một khám thờ Quan Âm để cầu mong thuận buồm xuôi gió, tai qua nạn khỏi.

Ngoài các vị thần, bồ tát kể trên, tại địa phương còn có một số hình thức thờ tự liên quan đến một số loài vật biển khác thường, thậm chí là mối nguy hiểm đối với con người. Việc thờ tự này nhằm cầu mong sự yên ổn, bình an trong quá trình hành nghề và thường không có sắc phong. Tại Cù Lao Chàm hiện vẫn còn một ngôi miếu bà Mộc, dân địa phương hiện không rõ thờ bà nào nhưng qua khảo sát thì đây có thể là miếu thờ Mộc trụ thần xà, một loài đến biển♦